

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2012

★ M.S.D.A. ★

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, P. Nông Trang, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Tel: (84 - 210) 3 953 543 Fax: (84 - 210) 3 953 542

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN TỔNG HỢP	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11- 31

10107
C
TRÁCH
KIỂM T
V
AU G

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 14 trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Licogi 14, tên giao dịch là LICOGI 14 JOINT STOCK COMPANY, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được thành lập theo Quyết định số 055A/BXD-TCLĐ ngày 20/02/1993 và số 01/BXD-TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ Xây dựng. Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được chuyển thành Công ty Cổ phần Licogi 14 theo Quyết định số 1453/QĐ-BXD ngày 18/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000339 ngày 12/9/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp. Công ty có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 26/8/2009 thì Vốn điều lệ của Công ty là: **28.800.000.000 đồng** (Hai mươi tám tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn).

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 314/QĐ-SGDCKHN ngày 01/07/2011 với mã chứng khoán là L14.

Mệnh giá: 10.000 đồng/1 cổ phần.

Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hội khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng. Người đại diện QL phần Vốn NN tại doanh nghiệp: - Vũ Duy Quang - Phạm Gia Lý	Nhà G1. Nam Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội Số 504G1 Hào Nam, Ô chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội Phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	792.000 475.200 316.800	83,88%
2	Phạm Gia Lý	Phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	108.410	11,48%
3	Nguyễn Văn Tuấn	Phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	17.030	1,80%
4	Nguyễn Ngọc Anh	Phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	15.240	1,61%
5	Trần Thế Bình	Phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	11.550	1,22%
	Cộng		944.230	100,00%

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Chuẩn bị mặt bằng công trình (san ủi, đào đắp, bốc xúc đất đá,...);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; đường dây và lắp đặt trạm biến áp đến 35KV và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; lắp đặt thiết bị và hoàn thiện các công trình xây dựng (kể cả trang trí nội, ngoại thất);

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Đầu tư và kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị mới, khu, cụm công nghiệp; các dự án thủy điện vừa và nhỏ (thủy điện, nhiệt điện);
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng (ống cống bê tông cốt thép, gạch Block và các loại vật liệu xây dựng khác); sản xuất gạch tuynenl;
- Khai thác, chế biến đá các loại;
- Sản xuất, gia công chế tạo và lắp đặt các sản phẩm cơ khí xây dựng (ván khuôn, giàn giáo, khung nhà công nghiệp và các kết cấu định hình khác);
- Kinh doanh vật tư, máy móc phục vụ sản xuất và tiêu dùng; xăng, dầu, mỡ các loại;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị; cho thuê thiết bị, máy công trình;
- Vận tải hàng hoá đường bộ;
- Dịch vụ khảo sát địa chất, địa hình; thí nghiệm vật liệu xây dựng, nền móng công trình;
- Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ; Khai thác quặng sắt, quặng kim loại đen khác;
- Khai thác mỏ apatit; khai thác khoáng chất và khoáng phân bón khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và lâm sản khác; hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Thi công xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình môi trường, công trình công cộng (sân vườn, vườn hoa cây xanh, công viên).

Trụ sở chính

- Địa chỉ hiện tại: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
- Tel: (84 - 210) 3 953 543 Fax: (84 - 210) 3 953 542

Các đơn vị phụ thuộc Công ty gồm:

TT	Tên chi nhánh	Địa chỉ	Giám đốc
1	Chi nhánh Hà Nội Công ty Cổ phần Licogi 14	Số 249 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.	Phạm Gia Lý
2	Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng 14.2 Công ty Cổ phần Licogi	Tầng 3, số 2068 đường Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.	Hoàng Hàng Hải
3	Chi nhánh Lào Cai Công ty Cổ phần Licogi 14	Số 14 đường Nguyễn Công Hoan, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.	Bùi Tiến Sỹ
4	Chi nhánh Xây dựng Giao thông Licogi 14.8	Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.	Nguyễn Tiến Hải

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Duy Quang	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 11/4/2012)
Ông Đặng Đắc Bằng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 11/4/2012)
Ông Phạm Gia Lý	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Vũ Quảng	Ủy viên
Ông Trần Thế Bình	Ủy viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Gia Lý
Ông Nguyễn Văn Tuấn
Ông Nguyễn Vũ Quảng
Bà Lê Thị Thanh

Tổng giám đốc
Phó Tổng giám đốc
Phó Tổng giám đốc
Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, *u*

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14



Phạm Gia Lý
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2013

Số: 10...-13/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012
của Công ty Cổ phần Licogi 14

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Licogi 14

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012 được lập ngày 20 tháng 01 năm 2013 của Công ty Cổ phần Licogi 14 (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 31 kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính tổng hợp này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính 2012:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (6) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Licogi 14 giữ 5 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		392.527.463.295	346.704.239.991
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.801.149.026	48.066.258.636
1 Tiền	111	V.1.	15.801.149.026	48.066.258.636
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.583.523.760	37.182.470.196
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	29.759.826.317	32.028.707.297
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	2.324.112.922	4.094.931.572
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	1.499.584.521	1.058.831.327
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV Hàng tồn kho	140		332.646.498.669	252.828.319.344
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	332.646.498.669	252.828.319.344
V Tài sản ngắn hạn khác	150		10.496.291.840	8.627.191.815
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		51.627.500	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.041.054.462	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	1.103.972.031	4.844.935.537
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	2.299.637.847	3.782.256.278
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		46.349.812.367	43.761.270.601
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		33.516.479.367	30.927.937.601
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	26.646.047.232	23.684.624.409
- Nguyên giá	222		89.413.837.787	79.920.146.037
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.767.790.555)	(56.235.521.628)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	1.172.092.000	189.328.000
- Nguyên giá	228		1.294.766.270	282.925.590
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(122.674.270)	(93.597.590)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	5.698.340.135	7.053.985.192
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8.	12.833.333.000	12.833.333.000
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258		12.833.333.000	12.833.333.000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		438.877.275.662	390.465.510.592

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		405.310.558.087	357.755.805.622
I Nợ ngắn hạn	310		311.195.970.702	338.058.509.246
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.	14.317.307.000	4.646.222.616
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.4	39.826.225.435	24.644.807.200
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	234.702.766.606	294.848.457.991
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	8.131.018.240	3.741.216.691
5 Phải trả người lao động	315		130.448.000	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11.	13.709.849.181	9.880.627.674
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		378.356.240	297.177.074
II Nợ dài hạn	330		94.114.587.385	19.697.296.376
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.12.	-	2.013.000.000
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	197.577.399
8 Doanh thu chưa thực hiện	338	V.13.	94.114.587.385	17.486.718.977
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		33.566.717.575	32.709.704.970
I Vốn chủ sở hữu	410	V.14.	33.566.717.575	32.709.704.970
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		28.800.000.000	28.800.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		840.689.000	840.689.000
4 Cổ phiếu quỹ	414		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		2.504.260.527	2.046.931.097
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.180.661.813	1.000.991.230
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		241.106.235	21.093.643
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		438.877.275.662	390.465.510.592

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Phạm Gia Lý

Hà Văn Lợi

Lê Thị Thanh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH KINH TỔNG HỢP

Năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2012	Năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15.	168.189.594.922	122.696.008.379
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		168.189.594.922	122.696.008.379
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.16.	159.942.040.660	113.641.472.228
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.247.554.262	9.054.536.151
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17.	692.437.579	754.890.761
7 Chi phí tài chính	22	VI.18.	71.889.326	1.158.508.099
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		71.889.326	1.158.508.099
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.2.6	659.396.177	513.383.133
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.3	3.893.551.893	4.271.899.380
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		4.315.154.445	3.865.636.300
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.4	891.941.035	5.642.000
12 Chi phí khác	32	VIII.2.5	590.909.091	-
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		301.031.944	5.642.000
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.616.186.389	3.871.278.300
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.19.	807.832.618	677.473.702
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.808.353.771	3.193.804.598
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21.	1.322	1.109

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Hà Văn Lợi



Lê Thị Thanh



Phạm Gia Lý

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01		212.623.732.705	253.159.275.760
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02		(244.008.851.118)	(145.415.162.942)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.043.169.276)	(31.027.676.094)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(1.021.871.025)	(2.445.854.083)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.200.732.442)	(1.446.818.914)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		375.866.110	43.570.503.472
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.553.060.374)	(56.971.861.486)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(39.828.085.420)	59.422.405.713
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn	21		(787.546.153)	(3.253.486.016)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn	22		-	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(6.833.333.000)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		692.437.579	754.890.761
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(95.108.574)	(9.331.928.255)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		20.713.579.765	16.567.730.137
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13.055.495.381)	(35.222.045.287)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.555.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.658.084.384	(20.209.515.150)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(32.265.109.610)	29.880.962.308
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		48.066.258.636	18.185.296.328
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	15.801.149.026	48.066.258.636

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Hà Văn Lợi



Lê Thị Thanh



Phạm Gia Lý

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Licogi 14, tên giao dịch là LICOGI 14 JOINT STOCK COMPANY, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được thành lập theo Quyết định số 055A/BXD-TCLĐ ngày 20/02/1993 và số 01/BXD-TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ Xây dựng. Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được chuyển thành Công ty Cổ phần Licogi 14 theo Quyết định số 1453/QĐ-BXD ngày 18/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000339 ngày 12/9/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp. Công ty có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 26/8/2009 thì Vốn điều lệ của Công ty là: **28.800.000.0000 đồng** (Hai mươi tám tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, kinh doanh bất động sản và sản xuất công nghiệp

3. Ngành nghề kinh doanh

- Chuẩn bị mặt bằng công trình (san ủi, đào đắp, bốc xúc đất đá,...);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; đường dây và lắp đặt trạm biến áp đến 35KV và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; lắp đặt thiết bị và hoàn thiện các công trình xây dựng (kể cả trang trí nội, ngoại thất);
- Đầu tư và kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị mới, khu, cụm công nghiệp; các dự án thủy điện vừa và nhỏ (thủy điện, nhiệt điện);
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng (ống cống bê tông cốt thép, gạch Block và các loại vật liệu xây dựng khác); sản xuất gạch tuynenl;
- Khai thác, chế biến đá các loại;
- Sản xuất, gia công chế tạo và lắp đặt các sản phẩm cơ khí xây dựng (ván khuôn, giàn giáo, khung nhà công nghiệp và các kết cấu định hình khác);
- Kinh doanh vật tư, máy móc phục vụ sản xuất và tiêu dùng; xăng, dầu, mỡ các loại;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị; cho thuê thiết bị, máy công trình;
- Vận tải hàng hoá đường bộ;
- Dịch vụ khảo sát địa chất, địa hình; thí nghiệm vật liệu xây dựng, nền móng công trình;
- Dịch vụ tư vấn chuyên giao công nghệ; Khai thác quặng sắt, quặng kim loại đen khác;
- Khai thác mỏ apatit; khai thác khoáng chất và khoáng phân bón khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và lâm sản khác; hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Thi công xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình môi trường, công trình công cộng (sân vườn, vườn hoa cây xanh, công viên).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

N.07
 TRÁI
 KIỂM
 CHẤU

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 tại thuyết minh số VI.22

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung, sử dụng phần mềm kế toán CIC.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các chi nhánh (Bao gồm: Chi nhánh Hà Nội Công ty Cổ phần Licogi 14, Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng 14.2 Công ty Cổ phần Licogi, Chi nhánh Lào Cai Công ty Cổ phần Licogi 14, Chi nhánh Xây dựng Giao thông Licogi 14.8). Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty với các chi nhánh và giữa các chi nhánh với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền tháng.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định".

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
- Máy móc, thiết bị	5-10
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6-10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

Riêng Trạm trộn bê tông Minh Phương và hai xe vận chuyển bê tông Công ty đang thực hiện khấu hao theo số lượng sản phẩm.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và giá trị Quyền sử dụng đất có thời hạn tại các phường Nông Trang, phường Vân Cờ, phường Bến Gót thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và tại huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

- Giá trị quyền sử dụng đất	15 - 20
- Phần mềm kế toán	3

Riêng tài sản cố định là quyền sử dụng đất Công ty không thực hiện phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là khoản đầu tư vào Dự án Thủy điện Bắc Hà (Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng) được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày mua. Dự án Thủy điện Bắc Hà đang trong giai đoạn đầu tư chưa hoàn thành nên Công ty chưa phải trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2012.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay cho các hoạt động kinh doanh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí đi vay đầu tư dự án Khu đô thị Minh Phương được vốn hoá vào giá trị của dự án.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau bao gồm các loại chi phí:

Chi phí trả trước ngắn hạn là công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty là Doanh thu chưa thực hiện tại dự án Minh Phương được ghi nhận căn cứ vào hóa đơn, Phiếu thu tiền trước theo tiến độ đối với tiền sử dụng đất tại Dự án nhưng chưa bàn giao.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm: doanh thu xây lắp, doanh thu bán xăng dầu và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu của hoạt động xây dựng được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - Hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ bán xăng, dầu, vật liệu xây dựng được ghi nhận căn cứ lượng hàng thực tế đã xuất bán cho khách hàng được khách hàng chấp nhận thanh toán, xuất hoá đơn phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính là chi phí lãi vay.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

13.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

13.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty gồm chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản.

Chi phí mua sắm tài sản cố định của công ty là chi phí mua các máy thi công (máy xúc, ô tô trộn bê tông). Các tài sản này cần phải đầu tư, trang bị thêm trước khi đưa vào sử dụng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có biên bản bàn giao, nghiệm thu hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là chi phí Sửa chữa trụ sở văn phòng công ty, được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ.

Chi phí xây dựng cơ bản là chi phí xây dựng khu văn phòng tại km36 Lào Cai, Cửa hàng xăng dầu Bến Gót, ..., được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ.

13.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

13.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với doanh thu bán vật liệu xây dựng, 10% đối với doanh thu bán xăng dầu, doanh thu cho thuê máy thi công và doanh thu hợp đồng xây lắp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

13.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn mặt hàng xăng dầu và vật liệu xây dựng được ghi nhận theo số lượng và giá trị hàng xuất bán trong kỳ phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định bằng = Chi phí dở dang đầu kỳ + Chi phí phát sinh trong kỳ - Chi phí dở dang cuối kỳ

Chi phí dở dang cuối kỳ được xác định dựa trên biên bản kiểm kê khối lượng dở dang cuối kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp

1. Tiền	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt tại quỹ	447.291.120	781.101.540
Văn phòng Công ty	140.838.370	214.967.416
Quỹ dự án Minh Phương	283.260.650	390.748.270
Chi nhánh Hà Nội	570.183	570.183
Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng 14.2	22.621.917	174.778.536
Chi nhánh Xây dựng giao thông 14.8	-	37.135
Tiền gửi ngân hàng	15.353.857.906	43.285.157.096
Văn phòng Công ty	15.345.498.196	43.271.685.524
Ngân hàng Công thương Đền Hùng - PGD Văn Cơ	5.016.683.928	2.006.495.759
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	5.010.489.563	11.033.614.169
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	3.495.080.147	2.685.787.819
Ngân hàng No & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	268.110.773	22.617.219.690
Ngân hàng No & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	4.934.344	12.824.861
Ngân hàng MHB Housing Bank - Chi nhánh Phú Thọ	1.047.303	1.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thọ Sơn	-	467.878.253
Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Việt Trì	550.131.624	4.446.864.973
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương	686.211.245	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Việt Trì	312.809.269	-
Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng 14.2	1.351.839	2.288.673
Ngân hàng Công thương - Đền Hùng	1.351.839	2.288.673

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

Chi nhánh Hà Nội	7.007.871	6.857.327
Ngân hàng Công thương Việt Nam	7.007.871	6.857.327
Chi nhánh Xây dựng giao thông 14.8	-	4.325.572
Ngân hàng Công thương Yên Bái	-	4.325.572
Các khoản tương đương tiền	-	4.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng Công Thương Đền Hùng - Văn Cơ	-	4.000.000.000
Tổng cộng	15.801.149.026	48.066.258.636
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vũ Xuân Bách	2.397.521	6.037.000
Đặng Văn Long	812.000	812.000
Vũ Đức Phương	-	5.319.383
UBND phường Minh Phương	1.272.000.000	1.032.000.000
Nguyễn Như Thường	-	12.287.944
Ngô Tọng Trung	2.375.000	2.375.000
Phải thu khác	222.000.000	-
Tổng cộng	1.499.584.521	1.058.831.327
3. Hàng tồn kho		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.794.282.110	2.151.665.386
Công cụ, dụng cụ	19.566.190	4.092.545
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	328.802.473.735	250.384.962.487
Thành phẩm	468.276.919	-
Hàng hóa	561.899.715	287.598.926
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	332.646.498.669	252.828.319.344
<i>(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại 31/12/2012 là các công trình: CT nhà ở Sinh viên Việt Trì nhà 9 TA; Công trình thủy điện Bắc Hà; Công trình Kè sông Nậm Thi; Công trình Minh Phương;</i>		
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.103.972.031	696.572.207
Thuế giá trị gia tăng	-	4.148.363.330
Tổng cộng	1.103.972.031	4.844.935.537

31/01/2012
CÔ
RÁCH N
ỀM TỌA
VIỆ
GIẢ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2011	5.769.941.800	52.877.213.747	21.223.445.035	49.545.455	79.920.146.037
Mua trong năm	4.010.805.654	3.575.074.926	2.508.220.261	30.500.000	10.124.600.841
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(630.909.091)	-	-	(630.909.091)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2011	9.780.747.454	55.821.379.582	23.731.665.296	80.045.455	89.413.837.787
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2011	2.818.210.800	37.968.860.687	15.421.409.686	27.040.455	56.235.521.628
Khấu hao trong năm	328.002.654	4.451.283.924	1.967.540.349	25.442.000	6.772.268.927
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(240.000.000)	-	-	(240.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2011	3.146.213.454	42.180.144.611	17.388.950.035	52.482.455	62.767.790.555
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2011	2.951.731.000	14.908.353.060	5.802.035.349	22.505.000	23.684.624.409
Tại ngày 31/12/2011	6.634.534.000	13.641.234.971	6.342.715.261	27.563.000	26.646.047.232

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.183.291.000 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.368.240.166 VND.

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2012	264.925.590	18.000.000	282.925.590
Mua trong năm	237.305.072	-	237.305.072
Đầu tư XDCB hoàn thành	774.535.608	-	774.535.608
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	1.276.766.270	18.000.000	1.294.766.270
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2012	75.597.590	18.000.000	93.597.590
Khấu hao trong năm	29.076.680	-	29.076.680
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	104.674.270	18.000.000	122.674.270
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2012	189.328.000	-	189.328.000
Tại ngày 31/12/2012	1.172.092.000	-	1.172.092.000

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công trình văn phòng Km36	2.423.121.040	1.888.075.446
Thủy điện Bảo Nhai - Bắc Hà	3.207.037.277	3.120.354.779
Mua sắm tài sản cố định	68.181.818	-
Cửa hàng xăng dầu Bến Gót	-	202.454.545
Sửa chữa trụ sở văn phòng công ty	-	1.843.100.422
Tổng cộng	5.698.340.135	7.053.985.192

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
Đầu tư cổ phiếu dài hạn		12.833.333.000		12.833.333.000
Dự án Thủy điện Bắc Hà	1.200.000	12.833.333.000	1.200.000	12.833.333.000
Tổng cộng		12.833.333.000		12.833.333.000

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

9. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	14.317.307.000	4.646.222.616
Văn phòng Công ty	14.317.307.000	4.457.233.500
Ngân hàng NN và PTNT tỉnh Lào Cai	-	1.353.733.500
Vay các cá nhân (i)	1.500.000.000	3.103.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Việt Trì (ii)	700.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN - CN Phú Thọ (iii)	12.117.307.000	-
Chi nhánh 14.8	-	188.989.116
Vay các cá nhân	-	188.989.116
Tổng cộng	14.317.307.000	4.646.222.616

(i) Các khoản vay cá nhân không được đảm bảo và chịu lãi suất trong năm khoảng từ 1,05%/tháng đến 1,3%/tháng.

(ii) Là khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Việt Trì Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 12/DN-ĐB/ĐTDA265 ngày 20 tháng 11 năm 2012 số tiền vay là 700 triệu đồng, thời hạn cho vay 36 tháng lãi suất theo thông báo của ngân hàng tmcp ngoại thương điều chỉnh 3 tháng/1 lần.

(iii) Là khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Phú Thọ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 12 tháng 09 năm 2012 với số tiền vay 20.000.000.000 VNĐ, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, ngân hàng đc điều chỉnh lãi suất đột xuất do yêu cầu biến động lãi suất phù hợp với cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật. Thời hạn rút vốn của hợp đồng từ ngày 11/9/2012 đến 30/6/2013.

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.117.540.740	3.708.727.121
Thuế Thu nhập cá nhân	13.477.500	-
Các loại thuế khác	-	32.489.570
Tổng cộng	8.131.018.240	3.741.216.691

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Văn phòng Công ty	12.294.713.151	9.278.419.844
Kinh phí công đoàn	47.940.515	56.195.939
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.246.772.636	9.222.223.905
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>2.912.271.219</i>	<i>2.534.400.000</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>9.334.501.417</i>	<i>6.687.823.905</i>
Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng 14.2	1.415.136.030	602.207.830
Công ty CPXL điện nước Phú thọ	296.400.000	296.400.000
Công ty CP XD và PTNT Phú Thọ	105.531.658	265.176.490
Ban QLDA đô thị Minh Phương	28.104.833	25.499.933
Đối tượng khác	985.099.539	15.131.407
Tổng cộng	13.709.849.181	9.880.627.674

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

12. Vay và nợ dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	-	2.013.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Việt Trì	-	2.013.000.000
Tổng cộng	-	2.013.000.000
13. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự án Minh Phương	94.114.587.385	17.486.718.977
Tổng cộng	94.114.587.385	17.486.718.977

14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2011	28.800.000.000	840.689.000	1.555.649.965	31.196.338.965
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	3.193.804.598	3.193.804.598
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	4.728.360.920	4.728.360.920
Số dư tại ngày 31/12/2011	28.800.000.000	840.689.000	21.093.643	29.661.782.643
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	3.808.353.771	3.808.353.771
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(3.588.341.179)	(3.588.341.179)
Số dư tại ngày 31/12/2012	28.800.000.000	840.689.000	241.106.235	29.881.795.235

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	7.920.000.000	7.920.000.000
Vốn góp của các cổ đông	20.880.000.000	20.880.000.000
Tổng cộng	28.800.000.000	28.800.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	28.800.000.000	28.800.000.000
Vốn góp đầu năm	28.800.000.000	28.800.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

Vốn góp cuối năm	28.800.000.000	28.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.592.000.000	1.555.200.000

d) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: chưa công bố

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa công bố

đ) Cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.880.000	2.880.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.880.000	2.880.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.880.000	2.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.880.000	2.880.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.880.000	2.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2012
Quỹ đầu tư phát triển	2.046.931.097	457.329.430	-	2.504.260.527
Quỹ dự phòng tài chính	1.000.991.230	179.670.583	-	1.180.661.813
Tổng Cộng	3.047.922.327	637.000.013	-	3.684.922.340

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập bằng lợi nhuận sau thuế để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của Công ty được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo Quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**15. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng hóa	35.396.253.604	27.132.597.299
Doanh thu bán bê tông thương phẩm	2.243.446.049	183.281.818
Doanh thu hoạt động xây lắp	130.549.895.269	95.380.129.262
Tổng cộng	168.189.594.922	122.696.008.379

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

16. Giá vốn hàng bán	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn bán hàng hóa	34.094.246.441	26.412.876.996
Giá vốn bán bê tông thương phẩm	1.919.919.187	172.503.324
Giá vốn hoạt động xây lắp	123.927.875.032	87.056.091.908
Tổng cộng	159.942.040.660	113.641.472.228
17. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	692.437.579	754.890.761
Tổng cộng	692.437.579	754.890.761
18. Chi phí tài chính	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	71.889.326	1.158.508.099
Tổng cộng	71.889.326	1.158.508.099
19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	169.773.973.536	123.456.541.140
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	165.157.787.147	119.585.262.840
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	4.616.186.389	3.871.278.300
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.154.046.597	967.819.575
Điều chỉnh giảm 30% số thuế phải nộp theo Nghị định số 101/NĐ-CP ngày 04/11/2011 của Chính phủ	346.213.979	290.345.873
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	807.832.618	677.473.702
20. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.600.308.863	59.890.493.179
Chi phí nhân công	50.479.240.518	31.242.900.270
Chi phí dụng cụ	25.929.258	6.323.770.775
Chi phí máy thi công	679.129.379	180.931.454
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.772.268.927	17.225.447.062
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	33.146.729.473	9.741.455.314
Tổng cộng	208.703.606.418	124.604.998.054
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.808.353.771	3.193.804.598

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.880.000	2.880.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.322	1.109

22. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.6, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ cộng với lãi lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.259.410.838	33.087.538.624
Tổng cộng	31.259.410.838	66.175.077.248

Công nợ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các khoản vay	14.317.307.000	6.659.222.616
Phải trả người bán và phải trả khác	53.536.074.616	34.525.434.874
Tổng cộng	67.853.381.616	41.184.657.490

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2012 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày càng sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	28.027.156.181	-	28.027.156.181
Các khoản vay	14.317.307.000	-	14.317.307.000
Tổng cộng	42.344.463.181	-	42.344.463.181

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	34.525.434.874	-	34.525.434.874
Các khoản vay	4.646.222.616	2.013.000.000	6.659.222.616
Tổng cộng	39.171.657.490	2.013.000.000	41.184.657.490

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phải sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.801.149.026	-	15.801.149.026
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.259.410.838	-	31.259.410.838
Tổng cộng	47.060.559.864	-	47.060.559.864

01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.066.258.636	-	48.066.258.636
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.087.538.624	-	33.087.538.624
Tổng cộng	81.153.797.260	-	81.153.797.260

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp**23. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thanh toán trả người bán bằng tiền vay	19.385.660.765	-

VIII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan****1.1 Giao dịch với các bên liên quan**

	Quan hệ với Công ty	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Bán hàng		1.461.407.113	5.602.075.120
Tổng Công ty Xây dựng & PT Hạ tầng Licogi	Tổng Công ty	1.120.845.572	5.602.075.120
Công ty Cổ phần ĐT & XD 18	Cùng Tổng Công ty	340.561.541	-

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

1.2 Thu nhập của Ban giám đốc		Năm 2012	
		VND	
Tiền lương			188.658.780
Tổng cộng			188.658.780
1.3 Số dư với các bên liên quan		31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
<i>Phải thu khách hàng</i>		<i>1.586.440.019</i>	<i>4.500.721.660</i>
Tổng Công ty xây dựng & PT Hạ tầng LICOGI	Tổng Công ty	1.120.845.572	1.497.534.353
Công ty cơ giới và xây lắp số 10	Cùng Tổng Công ty	-	636.122.635
Công ty CP Cơ giới XD 17	Cùng Tổng Công ty	-	510.139.345
Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng & PTHT	Cùng Tổng Công ty	-	30.837.500
Công ty CP LICOGI 13	Cùng Tổng Công ty	125.032.906	125.032.906
Công ty CP ĐT & XD số 18.6	Cùng Tổng Công ty	-	1.360.493.380
Công ty Cổ phần ĐT & XD 18	Cùng Tổng Công ty	340.561.541	340.561.541
2. Thông tin khác			
2.1 Phải thu của khách hàng		31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
<i>Văn phòng Công ty</i>		<i>29.759.826.317</i>	<i>32.028.707.297</i>
BQLDAGP&TĐC cụm CN Tầng Loóng Lào Cai		3.309.405.600	7.536.454.836
Ban QLDA chung cư SV		-	5.873.712.050
Ban QLDA công trình Giao Thông Lào Cai		6.889.232.000	4.845.540.000
BQLDA Quy hoạch & Xây dựng Cơ sở hạ tầng		274.584.323	3.774.584.323
Ban quản lý Dự án trại tạm giam Lào Cai		1.521.403.000	2.521.403.000
Tổng Công ty xây dựng & PT Hạ tầng LICOGI		1.120.845.572	1.497.534.353
UBND huyện Chiêm Hoá - Tuyên quang (BQLDA vốn JJCA)		1.350.146.450	1.145.070.575
Công ty Cổ phần ĐT & XD 18		340.561.541	340.561.541
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng công trình 128		294.357.930	294.357.930
UBND huyện Cẩm Khê		224.087.064	224.087.064
Ban quản lý ĐTXD CT (Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Khê)		527.824.000	174.109.000
BQLDA CT Hạ tầng Việt Trì		125.032.906	125.114.000
BQLDA 6 (PMU6), thuộc Cục đường bộ Việt Nam		6.416.462	88.340.835
Công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt trung		52.287.451	52.287.451
Các đối tượng khác		13.723.642.018	3.535.550.339
Tổng cộng		29.759.826.317	32.028.707.297
2.2 Trả trước cho người bán		31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
<i>Văn phòng Công ty</i>		<i>2.150.312.922</i>	<i>3.640.675.820</i>
Nguyễn Văn Điện		-	1.040.000.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Thủy điện Miền Bắc		795.775.000	795.775.000
Công ty CP lâm sản xuất khẩu và KD tổng hợp		-	326.565.891
Công ty Cổ phần sản xuất thiết bị Điện Hà Nội		356.400.000	-

J12
 CÔ
 CH
 MTC
 VI
 GI

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

Ban QLDA Công trình giao thông Yên Bái (CT cầu Ngòi A)	214.000.000	214.000.000
Công ty CP Thương Mại Minh Long	200.000.000	200.000.000
Điện lực Phú thọ	-	150.000.000
Công ty TNHH 1TV TM và sản xuất T.Đ.C	-	139.585.364
Công ty TNHH TM Việt Phong	-	122.927.100
Công ty TNHH kiến trúc Nhà đẹp	-	102.620.000
Công ty CP Phát triển Công nghệ truyền hình Quang Minh	-	76.472.000
Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai	-	57.021.000
CN kinh doanh thép và VTTH Phú Thọ	-	54.845.300
Vũ Anh Tuấn	50.000.000	46.800.000
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai	-	40.000.000
Nguyễn Đức Giang	-	40.000.000
Đối tượng khác	534.137.922	234.064.165
Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng 14.2	173.800.000	454.255.752
Trung tâm nghiên cứu và PT Cộng Đồng	-	59.400.000
Công ty CP xây dựng và PTNT Phú Thọ	-	49.859.909
Trung tâm hỗ trợ phát triển Khoa học Kỹ thuật	-	92.000.000
Công ty TNHH Hải Long	-	52.583.408
Công ty CP xây dựng và thương mại Phúc Sinh	-	196.784.000
Công ty CP Slighting Việt Nam-Hà Nội	170.800.000	-
Đối tượng khác	3.000.000	3.628.435
Tổng cộng	2.324.112.922	4.094.931.572
2.3 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	2.219.637.847	3.327.027.910
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>2.088.021.838</i>	<i>3.005.411.901</i>
Tạm ứng cá nhân	266.977.590	207.235.172
Tạm ứng công trình	1.821.044.248	2.798.176.729
Chi nhánh Xây dựng giao thông Licogi 14.8	131.616.009	321.616.009
Nguyễn Tiến Hải - Công trình cầu Tê Lê	131.616.009	321.616.009
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	80.000.000	455.228.368
Ngân Hàng Thương mại CP Quân Đội - Nhà chung cư Sinh viên	80.000.000	455.228.368
Tổng cộng	2.299.637.847	3.782.256.278
2.4 Phải trả người bán	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Văn phòng Công ty	37.744.252.535	21.082.768.900
Công ty Cổ phần Thịnh Cường	1.942.290.374	2.142.290.374
Công ty TNHH Mộc Xây dựng Thanh Bình	131.066.860	1.107.087.320
Nguyễn Thanh Ba	4.240.352.617	931.259.817
Công ty TNHH Đức Viện	158.552.654	902.245.117
Công ty TNHH XD và TM Phúc Khánh	653.680.000	715.280.000
Công ty CP thương mại và XNK vật tư giao thông	-	709.302.900
Công ty Cổ phần Tự Lực	-	704.762.509
Công ty Tư vấn XD Hà Nội	830.090.994	698.923.994

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Bắc	220.573.499	690.469.999
Công ty Cổ phần Thương mại dầu khí Minh Đức	-	641.818.000
Công ty TNHH Thương mại Toàn Thịnh	680.223.900	631.063.342
Công ty CP TM và Dịch vụ Châu Thành	475.788.913	578.794.000
Viện khoa học năng lượng	458.359.170	558.359.170
Công ty Cổ phần TVTKXD & VT Hà Nội	555.770.402	555.770.402
Công ty TNHH Một thành viên Ngọc Thành	39.840.000	531.764.838
Công ty TNHH XD & TM Thái Bình Minh	88.697.700	497.646.501
Công ty CP tư vấn ĐTXD Năng Lượng	292.766.000	492.766.000
Công ty TNHH Nguyễn Hữu	-	460.541.900
Công ty Xây dựng 565	433.390.423	433.390.423
Công ty TNHH XD Và DV Quang Thành	143.812.455	365.454.455
Công ty CP xây lắp và TM Nam Vương	372.631.812	351.996.000
Công ty xăng dầu Phú Thọ	196.176.512	347.175.144
Công ty Cổ phần Hoà Bình Minh Phú Thọ	16.990.481	341.595.593
Công ty Cổ phần Lâm sản xuất khẩu và KD Tổng hợp	-	337.831.682
Công ty CP LSXK và KDTH	-	327.327.500
Công ty Cổ phần BIFI	266.780.000	266.780.000
Công ty Cổ phần đầu tư Hoà Bình Minh	21.792.518	212.087.485
Doanh nghiệp Hoàng Đức Thắng	-	210.597.000
Công ty TNHH T.Mại Chiến Thắng	555.471.750	198.825.995
Công ty CPXDVT & TM đại dương	183.409.281	183.409.281
Công ty CP LICOGI 13	174.290.208	174.290.208
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Hồng Long	-	164.340.264
Công ty TNHH một thành viên Hùng Vân	-	163.504.990
Công ty TNHH một thành viên TM & SX	-	139.585.364
Công ty Cổ phần Tùng Ngọc	99.123.498	129.957.298
Công ty CP Dầu khí Khánh Phong	34.870.129	126.028.079
Công ty TNHH thương mại Việt Phong	85.912.400	108.264.700
Công ty CPXD Đồng Tâm Phú Thọ	107.438.156	107.438.156
Công ty CP Tư vấn Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	82.437.314	107.437.314
Công ty TNHH Tân Hải	-	98.815.000
HTX Nông lâm nghiệp Phúc Minh	-	96.879.967
Công ty khoáng sản Tây Bắc	139.822.500	87.849.500
Công ty cơ giới và xây lắp số 19	85.542.568	85.542.568
Lê Văn Minh	-	79.700.000
Trần Văn Phương	-	78.668.021
Trung tâm kiến trúc quy hoạch Lào Cai	71.808.000	71.808.000
Công ty TNHH Gia Long	-	70.877.810
Các đối tượng khác	23.904.499.447	2.065.164.920
Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng 14.2	2.081.972.900	3.562.038.300
Liên danh Công ty CP XD thủy lợi và DV Việt Trì	918.812.200	2.008.256.600
Công ty Cổ phần xây dựng Phú Trường An	936.431.700	1.390.841.700
Công ty CP ĐT PT xây dựng T&N	-	162.940.000
Trung tâm nghiên cứu và PT Cộng đồng	382.000	-
Công ty CP xây dựng và thương mại Phúc Sinh	226.347.000	-
Tổng cộng	39.826.225.435	24.644.807.200

8-C
TY
HUU
DINH
IAA
TP

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

2.5 Người mua trả tiền trước	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Văn phòng Công ty	34.465.242.586	49.393.372.258
Ban QLDA Thủy điện Bắc Hà	1.723.539.624	179.332.624
Ban quản lý dự án Chung cư sinh viên	25.343.724.970	8.234.840.801
Ban quản lý dự án Công trình giao thông Yên Bái	533.485.000	533.485.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng 268	200.000.000	200.000.000
Công trình san nền dân dân Hợp tác xã Thanh mai	647.018.833	647.018.833
Công ty Cổ phần cầu 11 Thăng Long	885.353.588	2.000.000.000
Công ty Cổ phần DAP số 2	-	2.176.695.000
Ban QLDA chung cư sinh viên (Sở xây dựng)	-	1.500.000.000
Trung tâm tư vấn QLDA và giám sát công trình XD nông nghiệp NT tỉnh Lào Cai	2.315.555.000	3.000.000.000
Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung	-	30.922.000.000
Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng khu công nghiệp tỉnh Lào Cai	2.750.000.000	30.922.000.000
Các đối tượng khác	66.565.571	-
Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng 14.2	200.237.524.020	245.455.085.733
Ban quản lý dự án Khu đô thị Minh Phương	200.237.524.020	245.455.085.733
Tổng cộng	234.702.766.606	294.848.457.991
2.6 Chi phí bán hàng	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	335.344.650	309.951.048
Chi phí vật liệu	9.293.298	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	119.371.277	86.522.000
Chi phí bằng tiền khác	195.386.952	116.910.085
Tổng cộng	659.396.177	513.383.133
2.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.738.297.182	1.384.280.217
Chi phí vật liệu	80.721.058	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	223.437.273	180.931.454
Thuế, phí và lệ phí	668.472.697	1.354.649.029
Chi phí dự phòng	49.696.501	-
Giá trị thương hiệu Licogi	-	500.000.000
Chi phí bằng tiền khác	1.132.927.182	852.038.680
Tổng cộng	3.893.551.893	4.271.899.380
2.4 Thu nhập khác	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập khác	891.941.035	5.642.000
Tổng cộng	891.941.035	5.642.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

2.5 Chi phí khác	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí khác	590.909.091	-
Tổng cộng	590.909.091	-

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 của Công ty Cổ phần Licogi 14 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Tổng giám đốc



Hà Văn Lợi



Lê Thị Thanh



Phạm Gia Lý